

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KSTTHC

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2022

V/v xây dựng Kế hoạch nâng cao
Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số
hài lòng về sự phục vụ của cơ quan
hành chính Nhà nước năm 2022

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Ngày 25/5/2022, Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ đã công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2021 của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (SIPAS); ngày 30/5/2022, Sở Nội vụ có Báo cáo số 120/BC-SNV, báo cáo kết quả Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) tỉnh Đắk Lắk năm 2021 (có gửi kèm theo). Qua nghiên cứu, xem xét nội dung các Báo cáo trên, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. UBND tỉnh triển khai các Báo cáo Chỉ số CCHC năm 2021 nêu trên đến các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố để nghiên cứu, làm tài liệu trong công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Giao Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ trên cơ sở nội dung đánh giá tại các Báo cáo nêu trên, xây dựng nội dung, đề xuất giải pháp nâng cao Chỉ số CCHC tỉnh và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2022 theo từng lĩnh vực, tiêu chí được phân công tại Phụ lục kèm theo, bao gồm: Nhiệm vụ, giải pháp, cơ quan, đơn vị thực hiện, mục tiêu phấn đấu, số điểm đạt được...; gửi về Sở Nội vụ **trước ngày 15/6/2022**, để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh.

3. Giao Sở Nội vụ:

- Tổng hợp nội dung, giải pháp nâng cao Chỉ số CCHC tỉnh và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2022 do các cơ quan, đơn vị đề xuất, để xây dựng Kế hoạch cải thiện Chỉ số CCHC năm 2022 và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2022 của tỉnh, trình UBND tỉnh **trước ngày 30/6/2022**.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tham gia đóng góp tích cực trong thực hiện công tác CCHC của tỉnh năm 2021.

- Tham mưu tổ chức Hội nghị sơ kết đánh giá công tác CCHC của tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 (thời gian tổ chức trong khoảng từ ngày 15-20/6/2022).

Nhận được Công văn này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PT&TH tỉnh,
- Công TTĐT tỉnh;
- Các Phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh (QC45a);
- Lưu: VT, KSTTHC (Tr 6).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà

Phụ lục
PHÂN CÔNG CÁC CƠ QUAN CHỦ TRÌ THAM MƯU TRIỂN KHAI,
THEO DÕI, ĐÓN ĐÓC THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ
THÀNH PHẦN CỦA CHỈ SỐ CCHC NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số /UBND-KSTTHC ngày / /2022
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cơ quan chủ trì tham mưu
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	
1.1	Thực hiện Kế hoạch CCHC năm	Sở Nội vụ
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	
1.3	Kiểm tra CCHC	
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC	
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Văn phòng UBND tỉnh
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH	
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	Sở Tư pháp
2.2	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)	
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	
2.4	Tác động của cải cách đến chất lượng VBQPPL do tỉnh ban hành	
2.4.1	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của tỉnh	Sở Tư pháp
2.4.2	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của tỉnh	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cơ quan chủ trì tham mưu
2.4.3	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của tỉnh	Sở Tư pháp
2.4.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của tỉnh	
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	Văn phòng UBND tỉnh
3.2	Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ	
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	
3.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	
3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy	Sở Nội vụ
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện	
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	
4.1.3	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015	
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cơ quan chủ trì tham mưu
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	Sở Nội vụ
4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính
4.3.2	Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	
4.4	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính	
4.4.1	Tình hình thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh
4.4.2	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh	Sở Nội vụ
4.4.3	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước giữa tỉnh và huyện	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cơ quan chủ trì tham mưu
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc	Sở Nội vụ
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	
5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh	
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	
5.5	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	
5.7	Cán bộ, công chức cấp xã	
5.8	Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức	
5.8.1	Tình trạng tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	
5.8.2	Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	
5.9	Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức	
5.9.1	Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	Sở Nội vụ
5.9.2	Tinh thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	
5.9.3	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	
5.9.4	Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cơ quan chủ trì tham mưu
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước hàng năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	Sở Tài chính
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán Nhà nước về tài chính, ngân sách	
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	
6.2.1	Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công	Sở Tài chính
6.2.2	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	
6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	
6.2.4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên	Sở Tài chính
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Sở Tài chính
6.3.3	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL	
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cơ quan chủ trì tham mưu
6.4	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	
6.4.1	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	Sở Tài chính
6.4.2	Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công	
6.4.3	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	
6.4.4	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập	
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	
7.1	Ứng dụng CNTT của tỉnh	
7.1.1	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.2	Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh	
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính Nhà nước dưới dạng điện tử	
7.1.4	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	
7.1.5	Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	
7.1.6	Thiết lập Hệ thống thông tin một cửa điện tử	
7.1.7	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	
7.1.8	Xây dựng, vận hành Cổng dịch vụ công	
7.1.9	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cơ quan chủ trì tham mưu
7.1.10	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh
7.1.11	Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Sở Thông tin và Truyền thông
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4	
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	Sở Thông tin và Truyền thông
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ
7.5	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính	Sở Thông tin và Truyền thông
7.5.1	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	
7.5.2	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của tỉnh	
7.5.3	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	
7.5.4	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cơ quan chủ trì tham mưu
8	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA TỈNH	
8.1	Kết quả Chỉ số hài lòng (SIPAS)	Sở Nội vụ
8.2	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.3	Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh	
8.3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.3.2	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	Sở Tài chính
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	
8.5	Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.6	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	